



Kính gửi: Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

Phúc đáp công văn số 168/QLCL-CL1 ngày 5/8/2016 của Quý Cục về việc góp ý sửa đổi Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT (sau đây gọi tắt là Dự thảo), sau khi lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến DN hội viên, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin có một số góp ý như sau:

I. CÁC GÓP Ý CHO DỰ THẢO:

TT	Mục trong Dự thảo	Nội dung trong Dự thảo	Đề nghị điều chỉnh/Bổ sung/loại bỏ	Lý do/ Diễn giải
1	Khoản 1 Điều 1	Sửa Điều 11 Khoản 2 như sau: 2. Nếu hồ sơ đăng ký hợp lệ, trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, Cơ quan kiểm tra, chứng nhận thông báo cho Cơ sở thời điểm dự kiến tiến hành thẩm định tại Cơ sở nhưng không muộn quá <u>08 (tám)</u> ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”	2. Nếu hồ sơ đăng ký hợp lệ, trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, Cơ quan kiểm tra, chứng nhận thông báo cho Cơ sở thời điểm dự kiến tiến hành thẩm định tại Cơ sở nhưng không muộn quá <u>07 (bảy)</u> ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”	Đề tổng thời gian cho việc nộp hồ sơ và thực hiện thẩm định tối đa là 10 ngày làm việc (2 tuần)
2	Khoản 3 Điều 1	Sửa đổi Điều 22 khoản 2b, 2c: b) Cơ sở có lô hàng xuất khẩu và không có lô hàng nào bị Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam và thị trường nhập khẩu phát hiện vi phạm về ATTP trong thời gian <u>03 (ba) tháng</u> kể từ ngày Cơ sở được phân loại điều kiện bảo đảm ATTP là hạng 1; hoặc c) Cơ sở có lô hàng xuất khẩu và không có lô hàng nào bị Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam và thị trường nhập khẩu phát hiện vi phạm về ATTP	b) Cơ sở có lô hàng xuất khẩu và không có lô hàng nào bị Cơ quan thẩm quyền của thị trường nhập khẩu phát hiện vi phạm về ATTP trong thời gian <u>02 (hai) tháng</u> kể từ ngày Cơ sở được phân loại điều kiện bảo đảm ATTP là hạng 1; hoặc c) Cơ sở có lô hàng xuất khẩu và không có lô hàng nào bị Cơ quan thẩm quyền của thị trường nhập khẩu phát hiện vi phạm về ATTP	i) Đây là nội dung vướng mắc nhiều DN phản ánh và kiến nghị việc điều chỉnh phù hợp thời gian “ thử thách ” trên cơ sở quản lý rủi ro và “ công nhận ” việc duy trì ĐKDB ATTP cơ sở SX của DN& “ công nhận ” hệ thống kiểm soát của DN. ii) Cần phải khuyến khích DN làm tốt hơn, tạo môi trường kinh doanh tốt hơn iii) Thời gian 2 tháng và 4 tháng (cho loại 1 & loại 2) là phù hợp và đủ dài tính cho điều kiện SX-XK bình thường của nhà máy thủy sản trong bối cảnh cạnh

		trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày Cơ sở được phân loại điều kiện bảo đảm ATTP là hạng 2.”	trong thời gian 04 (bốn) tháng kể từ ngày Cơ sở được phân loại điều kiện bảo đảm ATTP là hạng 2.”	tranh & duy trì khách hàng hiện nay. iv) Thời gian 2 & 4 tháng là phù hợp cho việc xét “Danh sách ưu tiên”.
3	Phụ lục I (thay thế của Phụ lục IV) Mục 2	2. Chỉ tiêu thăm tra; số lượng mẫu và mức giới hạn của: <u>TPC: 100 CFU/cm²</u> ; <u>Coliform: KPH</u> ; <u>V.cholera: KPH</u>	Đề nghị: - TPC: 500 CFU/cm ² - E.Coli: KPH - Staphylococcus: KPH (<i>bỏ 2 chỉ tiêu Coliform và V.cholera</i>)	- TPC: 100 CFU/cm ² là quá thấp; - Do vệ sinh công nghiệp (mẫu tay công nhân....) thường chỉ liên quan 2 chỉ tiêu E.Coli & Staphylococcus – thay thế sẽ phù hợp hơn.

4. Góp ý cho Phụ lục II tại Dự thảo – thay thế Phụ lục X của TT48/2013 (Tỷ lệ lấy mẫu thăm tra SP SX từ cơ sở trong danh sách ưu tiên)

Trong 2 năm 2014-2015, VASEP cũng đã nhiều lần phân tích và phản ánh kiến nghị với Bộ NNPTNT về Phụ lục này, bao gồm cả cuộc họp làm việc gần nhất giữa đại diện lãnh đạo Cục NAFIQAD và VASEP ngày 14/9/2015.

Trên nguyên tắc quản lý ATTP bao gồm nguyên tắc lấy mẫu để **thăm tra**, việc xác định tần suất & tỷ lệ lấy mẫu thăm tra là việc phân chia trách nhiệm giữa DN và CQ QLNN, trong đó: DN chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng do mình sản xuất và duy trì điều kiện SX đảm bảo ATTP; trong khi CQ QLNN thực hiện thăm tra việc DN có thực hiện & kiểm soát hiệu quả đúng theo quy định về ATTP hay không. Bộ NNPTNT, các CQ QLNN cũng như các DN và Hiệp hội đã có một bước tiến cơ bản trong tiếp cận sau khi có Luật ATTP, đó là “*bỏ nguyên tắc kiểm soát kép, không lấy việc kiểm nghiệm lô hàng làm điều kiện để cấp chứng thư xuất khẩu*”.

Chúng tôi thống nhất rằng CQ QLNN cần phải có “cơ chế” để thăm tra và đánh giá điều kiện đảm bảo ATTP cơ sở SX của DN. Tuy nhiên, chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh đến một “**cơ chế**” khác không tách rời, đó là việc “**công nhận**” việc duy trì ĐKSX và hệ thống kiểm soát của DN mà Luật ATTP đã pháp định. Từ đó, cần phải đảm bảo và tính đến việc giảm giá thành cho DN, giảm bớt kiểm tra của CQ QLNN, chỉ tập trung kiểm tra những nhà máy làm chưa tốt, những khâu làm chưa tốt để khuyến khích DN phấn đấu đạt được ở mức độ cao hơn.

Trên cơ sở những nguyên tắc và cách đặt vấn đề như trên, thời gian qua chúng tôi đã phân tích và phản ánh cụ thể rằng: tỷ lệ lấy mẫu thăm tra ở **Phụ lục X** (TT 48/2013) là còn lớn so với nguyên tắc thăm tra của Nhà nước. Số liệu cụ thể mà Hiệp hội tổng hợp cũng như Cục NAFIQAD tổng hợp thời gian qua cũng đã minh chứng rõ ràng những DN SX-XK “**tôm, hải sản, cá tra** (nhà máy công suất vừa & nhỏ)” đều có số lượng mẫu phải lấy thăm tra là cao hơn với chính tỷ lệ quy định của Thông tư 55 trước đó – ngoại trừ một số nhà máy SX-XK cá tra có công suất lớn. Từ đó, Hiệp hội cũng đã kiến nghị 3 nội dung nội hàm trong Phụ lục X kể trên, gồm:

- Xem lại quy định không chế 24 giờ trong định nghĩa lô hàng sản xuất;
- Xem xét giảm tỷ lệ lấy mẫu theo nguyên tắc thăm tra của CQ QLNN; bao gồm cả việc lấy lô XK làm căn cứ tính toán.
- Xem lại các định nghĩa phạm vi của sản phẩm thủy sản rủi ro cao và rủi ro thấp

Tất cả cũng chỉ một mục tiêu duy nhất để đảm bảo Nguyên tắc như đề cập trên: phù hợp, hài hòa, công nhận và giảm giá thành.

Từ đó, trên cơ sở bản DỰ THẢO của Quý Cục về Phụ lục “tỷ lệ lấy mẫu....” thay thế Phụ lục X (TT48), Hiệp hội kiến nghị và góp ý cụ thể như sau:

⇒ **Dự thảo:**

Sản phẩm theo mức rủi ro	Chế độ thẩm tra ⁽¹⁾					
	Đặc biệt		Hạng 1		Hạng 2	
	Vi sinh vật	Hóa chất, kháng sinh	Vi sinh vật	Hóa chất, kháng sinh	Vi sinh vật	Hóa chất, kháng sinh
Sản phẩm rủi ro thấp ⁽³⁾	1%	2%	<u>5%</u>	<u>10%</u>	<u>10%</u>	<u>20%</u>
Sản phẩm rủi ro cao ⁽²⁾	2%	5%	<u>10%</u>	<u>15%</u>	<u>20%</u>	<u>25%</u>

⇒ **Góp ý / kiến nghị:**

Sản phẩm theo mức rủi ro	Chế độ thẩm tra ⁽¹⁾					
	Đặc biệt		Hạng 1		Hạng 2	
	Vi sinh vật	Hóa chất, kháng sinh	Vi sinh vật	Hóa chất, kháng sinh	Vi sinh vật	Hóa chất, kháng sinh
Sản phẩm rủi ro thấp ⁽³⁾	1%	2%	3%	5%	5%	10%
Sản phẩm rủi ro cao ⁽²⁾	2%	5%	5%	10%	10%	20%

II. CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC CHO MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG THÔNG TƯ 48/2013/TT-BNNPTNT – ĐỀ NGHỊ ĐƯA VÀO DỰ THẢO SỬA ĐỔI:

TT	Mục trong TT 48	Nội dung trong TT 48/2013	Kiến nghị điều chỉnh/Bổ sung/loại bỏ	Lý do/ Diễn giải
1	Điều 3 Khoản 2	2. Lô hàng sản xuất: Là một lượng sản phẩm được sản xuất từ một hay nhiều lô nguyên liệu có cùng nguồn gốc xuất xứ, theo cùng một quy trình công nghệ, cùng điều kiện sản xuất... trong thời gian không quá <u>24 giờ</u> tại một cơ sở”	- Đề nghị: xem xét bỏ quy định 24 giờ này vì cùng 1 lô nguyên liệu nhưng sản xuất thêm 1 ngày (+1 date) thì theo TT48 sẽ tính cộng thêm 1 lô sản xuất (vì quy định lô sản xuất trong vòng 24 giờ) nên số lượng mẫu bị lấy nhiều hơn sẽ làm tăng chi phí	+ Định nghĩa này làm tăng quy mô lấy mẫu lên nhiều so với TT 55 trước đây (1,2 – 1,5 lần), và quá cao so với yêu cầu cần thiết do việc lấy mẫu này là thẩm tra (verification), không phải giám sát (monitor); Theo nguyên tắc Thẩm tra của CQTQ một số nước, số mẫu lấy chỉ là vừa đủ, ví dụ EU chỉ là lấy ngẫu nhiên (random) hoặc khi cần thiết để thẩm tra các chỉ tiêu ATTP. + Định nghĩa này cũng không phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế (Tiêu chuẩn Codex Stan 1-1985 và Luật Hoa Kỳ 50CFR 260 mục a trang 853). + Thực tế sau áp dụng TT48 gần 3 năm

				qua, cho thấy một số mặt hàng đã vướng với quy định này như cá tra, tôm nuôi công nghiệp.
2			Bổ sung một nội dung vào Giấy chứng nhận đảm bảo ATTP: Cơ sở đạt HACCP hoặc phù hợp với quy định EC 852, 853 hoặc theo CFR,...	Hiện tại nhiều khách hàng không chấp nhận nội dung Giấy CN Cơ sở đủ ĐK ATTP mà không có nội dung liên quan đến HACCP hoặc quy định của nước nhập khẩu hoặc các DN phải xin thêm NAFIQAD một giấy chứng nhận riêng cho việc chứng nhận HACCP, mất thêm thủ tục, thời gian của DN.
3	Điều 9; Điều 37, khoản 1 mục g; Điều 38 khoản 1 mục e	Thẩm tra là một hoạt động của quản lý Nhà nước. Việc thu phí và lệ phí của TT48 (Điều 9) và ràng buộc trách nhiệm này cho Chủ cơ sở/chủ hàng (Điều 37 & 38) là chưa thể hiện rõ quan điểm và không trái với quy định của <u>Điều 48 Luật ATTP</u> cũng như chính Phạm vi quy định của TT48. <i>Trích: Điều 48, Luật ATTP: “chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm để kiểm tra, thanh tra ATTP do cơ quan quyết định việc kiểm tra, thanh tra chi trả”</i>		Sửa đổi quy định này, theo hướng Bộ NNPTNT quy định và phân mục rõ các hạng mục công việc thuộc trách nhiệm kiểm tra-thẩm tra ATTP của Bộ NNPTNT sẽ do CQTQ của Bộ NNPTNT chi trả.
4	Điều 10 khoản 1 điểm đ	“đ) Danh sách chủ Cơ sở và người trực tiếp SX thực phẩm đã được <u>cơ quan chức năng quản lý chất lượng ATTP NLTS của ngành NNPTNT</u> cấp giấy xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP.”	Nên cho phép DN tự đào tạo nội bộ và Cơ quan chức năng QLCL ATTP Nông lâm thủy sản chỉ cần thẩm tra đại diện hoặc thẩm tra bằng xem xét trên lịch sử đảm bảo VSATTP của DN	Điều này gây rất nhiều khó khăn cho DN trong việc tổ chức thực hiện sát hạch kiến thức với số lượng công nhân quá lớn và sự thay đổi công nhân tương đối thường xuyên do đặc thù của ngành CBTS. DN thủy sản hiện tại tháng nào cũng có nhận công nhân mới, việc tổ chức tập huấn và xác nhận kiến thức ATTP thường xuyên đang là 1 vấn đề khó khăn cho DN.
	Điều 12 mục 2	a) Kiểm tra định kỳ: Là hình thức kiểm tra <u>không báo trước</u> nhằm giám sát việc duy trì điều kiện bảo đảm ATTP đối với Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP.... b) Kiểm tra đột xuất: Là hình thức kiểm tra <u>không báo trước</u> , được	Đề nghị quy định rõ kiểm tra định kỳ là hình thức kiểm tra <u>có báo trước (ít nhất trước 3 ngày)</u>	+ TT48 cho thấy: kiểm tra định kỳ không báo trước, kiểm tra đột xuất cũng không báo trước: giống nhau . Nếu kiểm tra định kỳ là hình thức kiểm tra KHÔNG BÁO TRƯỚC thì DN không thể chủ động bố trí người có thẩm quyền đại diện cho cơ sở để làm việc với đoàn kiểm tra, như quy định tại điểm 1b, điều 37 của TT48 + Khoản 5, Điều 8, TT41/2010/TT-BNNPTNT (Quy định về KT, chứng nhận đủ ĐK VS Thú y cơ sở SX-KD thủy sản) quy định: CQ kiểm tra phải thông báo kế hoạch kiểm tra cho chủ cơ sở ít nhất <u>02 ngày</u> trước khi tiến hành kiểm tra tại cơ sở

		<i>áp dụng đối với Cơ sở có các dấu hiệu vi phạm về ATTP....”.</i>		(trừ trường hợp kiểm tra đột xuất...) + Trong các Quy định hiện hành của ngành Thanh tra, lĩnh vực PCCC, lĩnh vực Môi trường mà các CQNN của các lĩnh vực này khi thực hiện kiểm tra định kỳ đều có thông báo trước bằng văn bản; + Mục tiêu của các hình thức kiểm tra định kỳ: thực chất là thẩm tra để phát hiện các sai lỗi hệ thống nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp luật chứ không phải là để “bới lông tìm vết” các sai lỗi của DN. Dù báo trước thời điểm kiểm tra cho DN mà DN tự kiểm tra trước và phát hiện sai lỗi của chính DN để tự khắc phục thì điều đó vẫn đáp ứng yêu cầu của CQKT về đảm bảo tính tuân thủ pháp luật; + Việc không báo trước trong kiểm tra định kỳ còn tạo tâm lý cho DN là CQNN không tin DN, không công nhận việc xây dựng & vận hành hệ thống đảm bảo ATTP của DN như quan điểm tiếp cận của Luật ATTP.
4	Điều 28, khoản 1, mục a	Đăng ký cấp Chứng thư: a) Không muộn quá <u>02 (hai) ngày</u> làm việc kể từ khi lô hàng được xuất khẩu, Chủ hàng phải đăng ký cấp Chứng thư theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này	Đăng ký cấp Chứng thư: a) Không muộn quá <u>07 (bảy) ngày</u> làm việc kể từ khi lô hàng được xuất khẩu, Chủ hàng phải đăng ký cấp Chứng thư theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này	Việc gửi giấy đăng ký cấp Chứng thư cần được nói rõ thêm (khoảng 7 ngày) để DN có thời gian thực hiện, đặc biệt là các lô xuất khẩu EU
5	Điều 28, khoản 2	2.Cấp Chứng thư	Bổ sung thêm một mục “Những sản phẩm cùng nhóm sản phẩm tương tự, được sản xuất cùng thời gian thì khi xuất khẩu cho bất kỳ thị trường nào, nếu doanh nghiệp yêu cầu cấp chứng thư thì không phải lấy mẫu lại để làm cơ sở cấp chứng thư”	Những SP này cùng mức rủi ro, được SX cùng thời gian và đã được lấy mẫu trong kế hoạch lấy mẫu thẩm tra thì không lý do gì mỗi lần xuất khẩu lại phải lấy mẫu lại do - Làm chậm quá trình xuất hàng - Thêm chi phí - Không có ý nghĩa khi nó chỉ khác thị trường Ví dụ: DN có 1 container cá, Loin xuất đi EU, đuôi xuất đi US. Các SP này cùng nhóm, SX trong cùng một ngày và được lấy mẫu thẩm tra nhưng khi xuất Loin đi EU thì cấp HC còn đuôi thì phải ĐĂNG KÝ theo form, tiếp đoàn lấy mẫu, đợi kết quả và đăng ký cấp HC

6	Điều 36	Xử lý trường hợp lô hàng bị cảnh báo	Các biện pháp xử lý được đưa ra là áp dụng chỉ với các thị trường có “Yêu cầu kiểm tra Nhà nước” theo đúng phạm vi của TT48 là các Thị trường có yêu cầu kiểm soát Nhà nước	Sửa đổi, bổ sung, làm rõ, và chỉ áp dụng mục (c) Điều 36 (lấy mẫu kiểm tăng cường) đối với các Thị trường có yêu cầu kiểm soát Nhà nước.
7	Điều 36 mục c	<i>“Chấp hành chế độ lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu vi phạm đối với từng lô hàng XK của SP vi phạm được SX tại cơ sở, cho đến khi cơ quan kiểm tra, chứng nhận có văn bản chấp thuận báo cáo KQ điều tra, nguyên nhân, biện pháp khắc phục của cơ sở”</i>	Cần quy định rõ thời gian (số ngày làm việc) cơ quan kiểm tra, chứng nhận <u>có văn bản</u> chấp thuận báo cáo kết quả điều tra, nguyên nhân, biện pháp khắc phục của cơ sở	Trong thực tế thời gian qua áp dụng TT48 gần 3 năm, khi thực hiện việc xử lý tương tự, nhiều DN phản ánh là sau khi lấy mẫu tăng cường đảm bảo 5 lô liên tiếp và DN đã đạt, có báo cáo giải trình .v....v....nhưng việc xem xét chấp thuận từ Cục NAFIQAD kéo dài sau đó và nhiều trường hợp không xác định thời gian nào sẽ quay lại chế độ bình thường.
8	Phụ lục V Checklist đánh giá ĐKSX chưa phù hợp, mức lỗi tăng lên (khó hơn). Nhiều mức lỗi chưa hợp lý	<p>Điều chỉnh Checklist cho phù hợp hơn, cụ thể đối với checklist cơ sở CB đồng lạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục 2.a Nội dung nên không nên để mức lỗi quá nặng (Ma, Se) trong khi đó các khu vực rất đơn giản và nhạy cảm nằm trong phạm vi đánh giá. Đề nghị giảm mức lỗi còn Mi và Ma. • Hay mục 5.a: đề nghị có mức lỗi Mi (trong checklist là lỗi Ma và Se) bởi thực tế trên ngay phía sau máy cấp đông IQF rất dễ đọng nước dù lau liên tục, như vậy nếu “lỡ” có đọng mấy giọt nước cũng bị đánh nhẹ nhất là Ma • Mục 7đ.g: đề nghị giảm còn Mi/Ma • Mục 10.1.1.a, 10.1.2.a.b: đề nghị giảm còn Mi/Ma (khu vực này tầm quan trọng không cao nhưng toàn lỗi Ma và Se); • Mục 11.c: hiện tại qui định Clo- trong nước rất chênh vênh 0.3-0.5 ppm và thực tế rất khó để giữ ổn định trong mức này. Nhất là những DN có hệ thống nước vào xưởng dài và phải dự trữ nước sau xử lý để đề phòng cúp nước thì coi như Clo- bằng 0ppm đến lúc vào chế biến. Trong khi lỗi nhẹ nhất nếu có đo 0.299ppm thì cũng bị đánh Ma (thậm chí có thể bị đánh lên Se). • Mục 22.2.d: nếu chỉ có 1 công nhân không đạt thì cũng gặp Ma hoặc Se rồi trong khi nhiều DN thường xuyên phải tuyển công nhân mới, nhưng đào tạo thì phải theo đợt. 	<p>Các mục đánh giá quá khắt khe và rất khó cho nhà máy và rất mong manh nếu đánh giá viên cố ý “bắt” doanh nghiệp.</p> <p>Các lỗi Mi đáng lẽ nên chiếm tỷ lệ tương đối cao để tạo điều kiện cải tiến cho doanh nghiệp thì số lượng lỗi Ma và các mức lỗi cao hơn lại nhiều dẫn tới DN rất dễ rui ro bị rớt hạng.</p>	

		Mức đánh giá			
		Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	Tới hạn (Cr)
TT 55 (26 nhóm chỉ tiêu)		102	101	27	0
TT 48 (26 nhóm chỉ tiêu)		25	107	97	21
TT 55/2011 (26 nhóm chỉ tiêu)	A	≤ 9	0	0	
	B	> 9	0	0	
		$Mi + Ma \leq 13$	≤ 9	0	
	C	$Mi + Ma > 13$	≤ 9	0	
		-	≥ 9	0	
		-	-	≥ 1	
TT 48/2013 - Phụ lục 5b (26 nhóm chỉ tiêu)	1	$\leq 11 - Ma$	≤ 5	0	0
	2	≥ 11	0	0	0
		-	≤ 6	1	0
		-	7	0	0
	3	-	≤ 10	≤ 2	0
		-	11	≤ 1	0
	4	-	-	-	≥ 1
		-	-	≥ 3	-
		-	≥ 11	≤ 2	-

III. Ý kiến khác:

- Vấn đề môi nguy kháng sinh hiện tại chưa có giải pháp xử lý triệt để mà chỉ mới là giải pháp xử lý tức thời tại sản phẩm đầu ra của DN. Đề nghị Cục NAFIQAD chủ trì và đề xuất với Bộ NNPTNT có hướng kiểm soát cả quá trình từ ban đầu thì mới khả thi và hiệu quả.
- Hiện tại ngoài kế hoạch những lô hàng NAFIQAD sẽ lấy mẫu thăm tra định kỳ hàng tháng, DN còn phải đăng ký kiểm dịch vụ nhiều lô hàng theo yêu cầu của khách hàng nên vẫn phải phát sinh thêm chi phí này. Đề nghị: Cục NAFIQAD đưa nội dung lấy mẫu kiểm kết hợp với thăm tra lô hàng luôn vào trong Dự thảo sửa đổi.

Hiệp hội VASEP và các DN rất mong nhận được sự quan tâm và hỗ trợ từ Quý Cục để bổ sung sửa đổi phù hợp vào Dự thảo sửa đổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi và công bằng cho các DN chế biến và xuất khẩu sản phẩm thủy sản trong bối cảnh nâng cao năng lực cạnh tranh DN và cạnh tranh quốc gia.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPĐD HH tài Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THỦ KÝ HIỆP HỘI



Trương Đình Hòa

